

VÒNG TRÒN SẴN SÀNG VỀ CÔNG NGHỆ - ĐỔI MỚI SÁNG TẠO – KHỞI NGHIỆP CHO DOANH NGHIỆP VỪA, NHỎ VÀ SIÊU NHỎ TẠI VIỆT NAM

Tác giả:

TS. Phạm Đình Tuyển; TS. Nguyễn Cao Lãnh, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Tóm tắt :

Bài viết dưới đây là một số nội dung rút ra từ Đề tài: Phát triển năng lực khởi nghiệp cho sinh viên trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam; Đề tài KHCN cấp Bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo); Mã số: B2020- XDA-01; Thời gian thực hiện 2020 - 2021.

Hiện tại, nhu cầu về số lượng doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ cho sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm tại Việt Nam ngày càng lớn và cấp thiết. Việc đào tạo khởi nghiệp và tái khởi nghiệp không thể theo phong trào mà phải đi vào thực chất, là tập trung nguồn lực cho việc đào tạo khởi nghiệp tại các cơ sở đào tạo đại học.

Đào tạo khởi nghiệp không chỉ là việc nâng cao năng lực, tính cách (Big Five) cho học viên, liên quan đến việc hình thành khung chương trình đào tạo, chương trình truyền thông, hệ sinh thái khởi nghiệp và hệ sinh thái kinh doanh mà còn phải hình thành cho được hệ thống sẵn sàng công nghệ cung cấp cho doanh nghiệp.

Sẵn sàng công nghệ - Đổi mới sáng tạo - Khởi nghiệp là 3 trụ cột chính cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cơ sở đào tạo đại học. 3 trụ cột này tạo thành một biểu tượng như một vòng tròn. Trong bối cảnh còn chậm đổi mới của nền kinh tế, Vòng tròn hay vòng xoay này cần được sự bảo trợ của chính phủ, của từng địa phương để tăng tốc đầu tiên. Từ đây, kéo theo chuyển động của các vòng tròn với những trụ cột kinh tế khác.

Từ khóa:

Doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ tại Việt Nam; Cơ sở đào tạo đại học; Đào tạo năng lực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Hệ sinh thái khởi nghiệp; Hệ sinh thái kinh doanh; Công nghệ nguồn và công nghệ trình diễn; Vòng tròn Sẵn sàng công nghệ - Đổi mới sáng tạo - Khởi nghiệp.

1. Bối cảnh

1.1 Tạo lập doanh nghiệp mới là nhu cầu cấp thiết của Việt Nam

Nhu cầu ngày càng lớn về số lượng doanh nghiệp cho sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm

Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, nằm tại khu vực Đông Nam Á với số dân khoảng 98,9 triệu người vào năm 2021.

Ngày 16/5/2016, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị quyết 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 (1). Trong đó, nêu mục tiêu thành lập được 1 triệu doanh nghiệp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, đến hết năm 2020, Việt Nam mới có khoảng 683,6 ngàn doanh nghiệp (2), thiếu gần 300 ngàn doanh nghiệp so với kế hoạch đặt ra. Các doanh nghiệp Việt Nam thu hút được khoảng 14,7 triệu lao động, bình quân 22 người/một doanh nghiệp.

Chính phủ Việt Nam hiện đang xây dựng Nghị quyết về phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, với mục tiêu đến năm 2025 cả nước có 1,3- 1,5 triệu doanh nghiệp (3). Tính ra, mỗi năm sẽ có thêm khoảng 120.000 - 160.000 doanh nghiệp mới đi vào hoạt động. Đây là một mục tiêu không dễ thực hiện nếu không có quyết sách phù hợp.

Năm 2019, bình quân cả Việt Nam có 15,4 doanh nghiệp đang hoạt động trên 1000 dân trong độ tuổi lao động (4). Có 9/63 địa phương có mật độ doanh nghiệp đang hoạt động trên 1000 dân trong độ tuổi lao động cao hơn bình quân cả nước gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Bình Dương, Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Khánh Hòa, Bắc Ninh và Cần Thơ. Có 54/63 địa phương có mật độ doanh nghiệp đang hoạt động trên 1000 dân trong độ tuổi lao động thấp hơn bình quân cả nước, phần lớn là các tỉnh miền núi phía bắc và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngoài việc trải thảm đón doanh nghiệp FDI (doanh nghiệp đầu tư nước ngoài từ một quốc gia hay đa quốc gia), Việt Nam cần phải thúc đẩy khởi nghiệp, tạo ra nhiều doanh nghiệp mới của chính mình, đặc biệt tại các tỉnh, vùng có mật độ doanh nghiệp trên số dân trong độ tuổi lao động còn thấp. Qua đó chủ động giảm tỷ lệ thất nghiệp hiện còn cao trong một quốc gia có hơn 50 triệu lao động.

Doanh nghiệp, doanh nhân không tự nhiên hình thành, mà phải được chính phủ hỗ trợ, đào tạo và chuẩn mực hóa, không phải theo phong trào mà phải trở thành chương trình phát triển kinh tế - xã hội dài hạn.

Doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ ngày càng có vai trò quan trọng

Quy mô của doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ tại Việt Nam (4), thường có số lao động từ 10 - 300 người; vốn từ 3 tỷ đồng (0,13 triệu USD) - 100 tỷ đồng (4,27 triệu USD). Bình quân giai đoạn 2016-2018 (2), khu vực doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ chiếm 93,5% trong tổng số doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ tăng 54,8% so với bình quân giai đoạn 2011-2015, doanh nghiệp quy mô nhỏ tăng 36,9%; doanh nghiệp quy mô vừa tăng 43,3%; doanh nghiệp quy mô lớn tăng 34,4%. Các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ của người Việt Nam ngày càng có vai trò quan trọng với khả năng linh hoạt phủ kín thị trường ngách tại các địa phương và từng bước tạo lập các thị trường mới trong lĩnh vực chuyển đổi số.

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, năm 2021 (2), Việt Nam có 116,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, trong đó chỉ có khoảng hơn 1 nghìn doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Song, cứ khoảng 100 doanh

ngành khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thì có tới 90 doanh nghiệp đứng trước nguy cơ giải thể trong hai năm đầu hoạt động.

Theo đánh giá của Bộ Công thương, phần lớn các mặt hàng công nghiệp của Việt Nam có hàm lượng công nghệ thấp, ngoại trừ hàng điện tử chủ yếu do khu vực FDI nắm giữ.

Một trong nhiều nguyên nhân là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ thường thiếu hụt các kiến thức cần thiết về môi trường kinh doanh; thiếu liên kết phối hợp với doanh nghiệp lớn theo chuỗi sản xuất hàng hóa và với tổ chức hỗ trợ để có công nghệ phù hợp tạo giá trị gia tăng cho doanh nghiệp; yếu về kỹ năng cạnh tranh và tái khởi nghiệp. Các kiến thức, kỹ năng đó có thể đến từ việc tự học, song hiệu quả hơn là đến từ việc được đào tạo.

1.2 Đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp tại Việt Nam mới bắt đầu

Phong trào khởi nghiệp tại Việt Nam bắt đầu từ khởi xướng từ năm 2016. Song việc đào tạo khởi nghiệp tại các trường đại học mới chỉ bắt đầu.

Hiện tại, Việt Nam có 237 trường đại học (gồm 172 trường công lập và 65 trường ngoài công lập) với quy mô đào tạo hàng năm khoảng 450 ngàn sinh viên, phân bố trong khắp 63 tỉnh, thành (5).

Các cơ sở đào tạo đại học hiện nay chủ yếu quan tâm đến đào tạo người làm công ăn lương bậc cao với nhiều cơ hội việc làm, ít quan tâm tới đào tạo doanh nhân. Các cử nhân, kỹ sư khi ra trường thiếu ý chí, khát vọng khởi nghiệp, cho dù có cơ hội và hầu như không có mối liên hệ chuyên môn với cơ sở đào tạo, khoa học công nghệ để có công nghệ nguồn cho việc khởi nghiệp. Các trường đại học chưa nhận thức rõ việc đào tạo khởi nghiệp là cơ hội gắn kết tổ chức đào tạo, khoa học công nghệ với thực tiễn thị trường và với doanh nghiệp, qua đó tìm được đầu vào hướng nghiên cứu và tạo điều kiện cho việc thương mại hóa sản phẩm công nghệ.

Nhiều cơ sở đào tạo đại học tại Việt Nam chưa hình thành được hệ thống Sẵn sàng về công nghệ (trong đó có các công nghệ mới nhất); Chương trình đào tạo không có nội dung đào tạo năng lực khởi nghiệp, trong đó có năng lực ứng dụng công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp; Chưa thật sự quan tâm đến việc liên kết với doanh nghiệp FDI và thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1 Ba trụ cột đánh giá năng lực cạnh tranh doanh nghiệp: Sẵn sàng công nghệ - Đổi mới sáng tạo - Khởi nghiệp

Quốc gia có tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp có tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh doanh nghiệp.

Năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia (Global Competitiveness Index - GCI) được đánh giá thông qua 12 tiêu chí (hay trụ cột): i) Thể chế; ii) Cơ sở hạ tầng phù hợp; iii) Môi trường kinh tế vĩ mô; iv) Y tế và giáo dục tiểu học; v) Giáo dục và đào tạo sau tiểu học; vi) Hiệu quả của thị trường hàng hóa; vii) Hiệu quả của thị trường lao động; viii) Trình độ phát triển của thị trường tài chính; ix) Tiềm năng công nghệ; x) Quy mô thị trường; xi) Trình độ kinh doanh; xii) Năng lực đổi mới sáng tạo.

Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ tại Việt Nam, ngoài phù hợp với năng lực cạnh tranh quốc gia, còn phải đáp ứng được 3 tiêu chí (hay trụ cột): **Sẵn sàng về công nghệ** (tương tự như tiêu chí ix của Năng lực cạnh tranh quốc gia); **Đổi mới sáng tạo** (tương tự như tiêu chí xii) và **Khởi nghiệp**.

Khởi nghiệp tại Việt Nam

Khởi nghiệp là sự nghiệp sáng tạo ra sản phẩm mới, tổ chức mới nhằm tạo ra vị thế mới cho mỗi cá nhân, tổ chức, cộng đồng và quốc gia. Khởi nghiệp không chỉ là thiết lập mô hình kinh doanh với thành công về tài chính mà còn là khởi nghiệp hướng tới phục vụ cộng đồng, quốc gia, giải quyết các vấn đề liên quan đến con người, phát triển bền vững, gắn với tạo lập các giá trị mới về xã hội và văn hóa.

Tại Việt Nam, trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, ngoài Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo còn có dạng Khởi nghiệp kế thừa. Đây là dạng khởi nghiệp mang tính tiếp nối giai đoạn trước của nền kinh tế, trước hết là khởi nghiệp tạo lập doanh nghiệp mới, để bổ sung số lượng lớn doanh nghiệp còn thiếu tại nhiều địa phương.

Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam

Đổi mới sáng tạo là một quá trình tạo ra nhận thức, ý tưởng và giải pháp công nghệ mới, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu phát triển mới; thông qua việc cung cấp sản phẩm, quy trình, dịch vụ, công nghệ hoặc mô hình kinh doanh hiệu quả hơn cho thị trường, xã hội. Đổi mới sáng tạo có vòng đời gắn với công nghệ tạo lập nên nó.

Đổi mới sáng tạo cũng là một trong 12 tiêu chí (hay trụ cột) đánh giá Năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia (Global Competitiveness Index - GCI); được đánh giá theo 7 yếu tố: i) Năng lực đổi mới sáng tạo; ii) Chất lượng của các cơ sở nghiên cứu khoa học; iii) Chi tiêu của công ty cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm; iv) Hợp tác giữa các trường đại học và ngành công nghiệp trong nghiên cứu và phát triển sản phẩm; v) Số lượng và chất lượng của nhà khoa học và kỹ sư; vi) Hồ sơ xin cấp bằng sáng chế; vii) Mua sắm công các công nghệ tiên tiến.

Đối với quốc gia, đổi mới sáng tạo không chỉ đơn thuần là các chỉ tiêu về số lượng sáng chế, mà còn phụ thuộc vào khả năng vận dụng những sáng chế của mình và từ các quốc gia khác cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, cũng như mức độ bảo trợ, đầu tư cho các cơ sở khoa học công nghệ.

Đối với các trường đại học Việt Nam, đổi mới sáng tạo chính là động lực hay nhu cầu cho việc đổi mới đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác và nâng cao chất lượng của những nhà khoa học. Đổi mới sáng tạo ra công nghệ phải có địa chỉ người dùng. Và điều này chỉ có thể thành hiện thực khi: i) Thiết lập được các mức độ công nghệ hay Sẵn sàng về công nghệ để doanh nhân có thể khai thác, thương mại hóa các sáng chế; ii) Tôn trọng bản quyền sáng chế để nhà khoa học cũng được hưởng quyền lợi từ việc thương mại hóa sáng chế; iii) Doanh nhân và nhà khoa học đều phải tận dụng cuộc CMCN 4.0 để thiết lập các kết nối thuận tiện với nhau trong quá trình khai thác, thương mại hóa sáng chế. Một trong những nội dung Đào tạo khởi nghiệp cho những nhà doanh nghiệp trẻ là đào tạo kiến thức để thiết lập và khai thác mối liên kết này.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khác khởi nghiệp truyền thống, vì yếu tố công nghệ mới, do vậy thường gắn liền với nhiều rủi ro. Để tồn tại, hôm nay có thể là khởi nghiệp dạng kế thừa, song ngày mai phải là tái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với bố trí nguồn lực cho hợp tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm.

Công nghệ nguồn và Công nghệ trình diễn tại Việt Nam

Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm có giá trị gia tăng được xã hội chấp nhận.

Đề tạo ra sản phẩm cho xã hội, cần phải có mức độ tinh thông, thực hiện đồng thời 3 loại công nghệ: i) Công nghệ mang tính chiến lược: Liên quan đến tầm nhìn, sự hiểu biết và vận dụng các hành lang pháp lý, quy luật thị trường có liên quan; ii) Công nghệ mang tính quản trị: Liên quan đến việc ra quyết định huy động các nguồn lực cho tạo lập, thẩm định sản phẩm, điều hành, giám sát chuỗi sản xuất, tiêu dùng sản phẩm và hệ thống kết cấu hạ tầng có liên quan; iii) Công nghệ mang tính kỹ thuật: Liên quan đến việc tổ chức thực hiện tạo ra, hoàn thiện, định hình và tiêu dùng sản phẩm. 3 loại trên tạo thành Công nghệ nguồn hay khởi nguồn cho tạo lập sản phẩm và tạo lập doanh nghiệp mới gắn liền với chuỗi sản xuất: Ý tưởng – Tạo lập sản phẩm- Thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm – Định hình sản phẩm – Tiêu dùng sản phẩm và mở rộng quy mô.

Từ Công nghệ nguồn, người khởi nghiệp hay doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ tạo ra Công nghệ trình diễn của riêng mình. Không có công nghệ cao hay thấp mà chỉ có công nghệ tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao hay thấp. Cộng đồng (doanh nghiệp, tổ chức) 10 người thì có giải pháp Công nghệ trình diễn phù hợp với 10 người. Cộng đồng 100 người thì có giải pháp Công nghệ trình diễn phù hợp với 100 người. Cộng đồng 10 người này lựa chọn Công nghệ trình diễn trong mối tương quan với Công nghệ trình diễn của cộng đồng 10 người khác để đảm bảo khả năng cạnh tranh. Vì thế mới nói: Cộng đồng trước, Công nghệ (trình diễn) sau.

Mức độ Sẵn sàng về công nghệ (để cho cộng đồng lựa chọn) là một trong 12 tiêu chí (hay trụ cột) quan trọng của thể giới đánh giá Năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia (Global Competitiveness Index - GCI); được đánh giá theo 7 yếu tố: i) Đăng ký bằng thông tin di động; ii) Sự sẵn có của các công nghệ mới nhất; iii) Ứng dụng công nghệ ở cấp độ công ty; iv) FDI và chuyển giao công nghệ; v) Số người sử dụng internet; vi) Đăng ký dịch vụ internet ADSL; vii) Tốc độ truyền dữ liệu của đường truyền.

Như vậy, một trong những năng lực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là năng lực chuyên môn liên quan đến việc tinh thông các hoạt động về công nghệ, bao gồm cả công nghệ nguồn và công nghệ trình diễn.

2.2 Tiên phong tạo lập Công nghệ nguồn và đào tạo Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo chính là các cơ sở đào tạo đại học

Sẵn sàng công nghệ hiện vẫn còn xa lạ tại Việt Nam

Quá trình Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam phải gắn liền với mức độ Sẵn sàng về công nghệ.

Công nghệ nguồn có thể tiếp thu từ bên ngoài (trong đó có doanh nghiệp FDI) hoặc do chính người Việt Nam tạo lập. Từ đây mới có Công nghệ trình diễn phù hợp với từng cộng đồng doanh nghiệp theo quy mô và theo từng vùng miền, phù hợp với năng lực ứng dụng công nghệ ở cấp độ công ty.

Sẵn sàng về công nghệ tại Việt Nam hiện còn là khái niệm xa lạ, ngay cả tại các cơ sở đào tạo đại học.

Hiện tại, Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam bao gồm 5 cấp với 734 ngành (6). Các cơ sở đào tạo đại học, phòng thí nghiệm, tùy theo từng chuyên ngành phải xây dựng cho được Sẵn sàng của các công nghệ mới nhất cho từng ngành, bao gồm cả việc đánh giá, hướng dẫn chuyển giao công nghệ...

Đối với lĩnh vực xây dựng, trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, nhu cầu về công nghệ nguồn chuyên ngành xây dựng là rất lớn. Hiện tại, có 5 trường công lập và gần 100 ngành, khoa chuyên môn trong các cơ sở đại học hàng năm đào tạo hàng vạn sinh viên trong lĩnh vực xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, đề tài đã tiến hành đào tạo tinh thần khởi nghiệp 4 khoá với khoảng 500 sinh viên tại Khoa Kiến trúc Quy hoạch, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, là một trong trường đại học công lập hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.

Trong một đợt đào tạo vào năm học 2020- 2021, khoảng 200 sinh viên khóa 59 KD 1,2,5,6 tham gia, chia thành 33 (trung bình khoảng 6 sinh viên/ nhóm). Kết thúc học phần là một bài thi thiết lập một mô hình mô phỏng khởi nghiệp hình thành doanh nghiệp. Kết quả của việc lựa chọn mô hình cho thấy: Chỉ có 14/33 bài có liên quan đến lĩnh vực xây dựng, chiếm khoảng 42,42%. Ngay trong một trường đại học, do không có truyền thông về công nghệ nguồn trong lĩnh vực chuyên ngành, nên sinh viên chủ yếu hướng về mô hình doanh nghiệp gắn với lĩnh vực dịch vụ (dựa vào kinh nghiệm hiểu biết cá nhân); chiếm 33/33 bài, tỷ lệ 100%.

Đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phải gắn với việc tạo lập hệ thống Sẵn sàng về công nghệ

Các doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ không có thời gian và nguồn lực để nghiên cứu đổi mới công nghệ, họ chỉ có thể giải quyết vấn đề kỹ thuật liên quan đến công nghệ trình diễn họ đang sử dụng. Họ cần các nhà khoa học, và chính doanh nghiệp là địa chỉ tiếp nhận kết quả nghiên cứu hay sản phẩm công nghệ nguồn của tổ chức, doanh nghiệp khoa học công nghệ.

Các cơ sở đào tạo đại học phải sớm hình thành được hệ thống Sẵn sàng về công nghệ. Chương trình đào tạo năng lực khởi nghiệp phải có nội dung đào tạo năng lực ứng dụng công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp. Hệ thống Sẵn sàng về công nghệ không chỉ phục vụ cho đào tạo khởi nghiệp mà còn là cánh tay nối dài của các trường đại học theo từng chuyên ngành vươn tới các địa phương, để có thể kết nối các nhà khoa học của các trường đại học, viên nghiên cứu với các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp (trong và ngoài nước kinh doanh tại Việt Nam). Trong một số trường hợp, trường đại học còn là nơi tạo ra các doanh nghiệp hay sáng tạo ra địa chỉ người dùng mới.

Nhìn từ góc độ truyền thông, việc đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên, học viên chính là việc đào tạo những người truyền bá thông điệp về tinh thần đổi mới sáng tạo, nhận thức về công nghệ nguồn cho các doanh nghiệp địa phương, hình thành kết nối công nghệ giữa doanh nghiệp và nhà trường, chứ không chỉ là việc cung cấp nguồn nhân lực cho doanh nghiệp như cách đào tạo hiện nay.

Ngoài việc tiếp tục hoàn thiện các khung pháp lý, chính sách và thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, Chính phủ cần tài trợ kinh phí đủ lớn và chấp nhận rủi ro cho hoạt động khởi nghiệp, đặc biệt là tại cơ sở đào tạo đại học. Đào tạo khởi nghiệp chính là phát triển khởi nghiệp từ gốc. Đầu tư cho đào tạo khởi nghiệp cũng là đầu tư cho phát triển.

Giảng viên, nghiên cứu viên trong các trường, viện nhận được tài trợ từ ngân sách để giúp cộng đồng doanh nghiệp phát triển. Đây còn coi là nhiệm vụ thứ ba – khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, bên cạnh hai nhiệm vụ là giảng dạy và nghiên cứu.

Các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ nhận được tài trợ từ ngân sách để mua và sử dụng các nghiên cứu từ trường đại học, tức là bắt buộc các doanh nghiệp trong một số ngành nhất định phải hợp tác với viện, trường. Đây cũng là một trong những chính sách đưa những kiến thức khoa học, công nghệ từ viện, trường ra ngoài thực tế, mà không chỉ dừng ở các công bố quốc tế. Và cũng từ môi trường ứng dụng, nảy sinh các ý tưởng, hướng nghiên cứu cho những nhà khoa học tại các trường, viện.

Mỗi một cơ sở đào tạo đại học phải hình thành Hệ thống sẵn sàng công nghệ phù hợp

Mỗi một cơ sở đào tạo đại học phải hình thành Hệ thống sẵn sàng công nghệ phù hợp với chuyên môn của mình. Đây cũng phải trở thành một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng, vị thế của một cơ sở đại học tại Việt Nam.

Ví dụ trong lĩnh vực xây dựng, Sẵn sàng về công nghệ có thể tập trung vào một số lĩnh vực phù hợp với Chương trình hành động của Chính phủ và xu hướng chung về những nghề chuyên môn mới trong lĩnh vực xây dựng: Thị trường bất động sản; Phát triển vật liệu xây dựng (trước hết cho các vùng ven biển và hải đảo); Chương trình cơ khí hóa, tự động hóa xây dựng; Chương trình phát triển đô thị thông minh, đô thị sinh thái; Xây dựng nông thôn mới và Khu kinh tế đặc thù; Chương trình phát triển nhà ở và nhà ở xã hội; Kinh tế biển; Công nghiệp văn hóa; Bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu; Chương trình chính phủ số, kinh tế số và xã hội số liên quan đến lĩnh vực xây dựng.

2.3 Từ Hệ sinh thái khởi nghiệp đến Hệ sinh thái kinh doanh tại Việt Nam

Hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam trước hết là Hệ sinh thái khởi nghiệp trong các cơ sở đào tạo đại học

Hệ sinh thái khởi nghiệp, theo định nghĩa của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum; WEF), bao gồm các yếu tố: Khung pháp lý và cơ sở hạ tầng; Giáo dục và đào tạo; Nguồn nhân lực; Thị trường; Nguồn vốn và tài chính; Trường đại học, học viện; Hệ thống dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp; và Văn hóa quốc gia. Tất cả các yếu tố này được đồng bộ hóa thành Hệ sinh thái khởi nghiệp. Quy mô của hệ sinh thái là số doanh nghiệp khởi nghiệp được ươm tạo bởi các tổ chức đào tạo và dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp.

Hệ sinh thái khởi nghiệp gắn liền với Cơ sở hạ tầng khởi nghiệp, gồm: i) Cơ sở hạ tầng vật chất: Là một hệ thống gồm: Không gian đào tạo khởi nghiệp, phòng thí nghiệm; Không gian dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp: Trung tâm Hỗ trợ và Tư vấn khởi nghiệp; Câu lạc bộ Khởi nghiệp; Trung tâm Sẵn sàng về công nghệ; Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Thúc đẩy khởi nghiệp; Quỹ Hỗ trợ khởi nghiệp; Trung tâm Dữ liệu số; Thư viện Khởi nghiệp...ii) Cơ sở hạ tầng phi vật chất, gồm: Thiết chế khởi nghiệp: Hệ thống tổ chức bộ máy hành chính, quản lý, hỗ trợ, kết nối, thi và giám sát khởi nghiệp; Tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp...Trong Hệ sinh thái này, Trung tâm Sẵn sàng về công nghệ có vai trò đặc biệt quan trọng.

Để khai thác tối đa nguồn lực hiện có, Hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam được hình thành trước hết tại 237 cơ sở đào tạo đại học, có thể theo dạng từng trường hoặc theo cụm trường, liên kết với nhau theo các chuyên ngành, tạo thành hệ thống mạng lưới tại từng địa phương, trong nước và kết nối với quốc tế.

Các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ phải coi Hệ sinh thái khởi nghiệp trong các cơ sở đào tạo đại học là ngôi nhà thứ hai của mình ngoài ngôi nhà doanh nghiệp.

Hệ sinh thái kinh doanh Việt Nam phải coi là tầm nhìn và từng bước thực hiện

Hệ sinh thái kinh doanh là một thuật ngữ chỉ một cộng đồng doanh nghiệp cộng sinh, chia sẻ và bổ sung cho nhau, tạo thành một môi trường thuận lợi thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tăng trưởng nhanh. Hệ sinh thái này đáp ứng yêu cầu rộng lớn hơn, không chỉ cho hoạt động khởi sự doanh nghiệp mà còn cho cả hoạt động kinh tế và xã hội khác, tạo lập tinh thần kinh doanh của khu vực, của địa phương. Quy mô của hệ sinh thái này là quy mô của hoạt động kinh doanh, tập trung lại thành Cụm Kinh tế (tương tự mô hình Thung lũng Silicon, Mỹ). Các doanh nghiệp khởi nghiệp chỉ là một phần trong hệ sinh thái, tập trung vào việc nghiên cứu tạo lập sản phẩm công nghệ mới cung cấp Công nghệ nguồn cho các doanh nghiệp trong Cụm kinh tế và các doanh nghiệp khác ngoài Cụm kinh tế.

Việc đầu tư xây dựng và vận hành Hệ sinh thái khởi nghiệp trong điều kiện Việt Nam hiện tại không đơn giản. Song Nhà nước cũng cần có tầm nhìn để quan tâm, nuôi dưỡng dần hình thành Hệ sinh thái kinh doanh.

Một số Hệ sinh thái kinh doanh cần được quan tâm ban đầu tại Việt Nam gồm: i) Hệ sinh thái kinh doanh trí tuệ nhân tạo (AI); tập trung tại 3 thành phố lớn: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; ii) Hệ sinh thái kinh doanh công nghệ văn hóa với 12 lĩnh vực liên quan (Quảng cáo; Kiến trúc; Phần mềm và trò chơi giải trí; Thủ công mỹ nghệ; Thiết kế; Điện ảnh; Xuất bản; Thời trang; Nghệ thuật biểu diễn; Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm; Truyền hình và phát thanh; Du lịch văn hóa); tập trung tại 8 địa điểm Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới tại Việt Nam (Quần thể di tích Cố đô Huế; Phố cổ Hội An; Khu Thánh địa Mỹ Sơn; Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long; Thành nhà Hồ; Quần thể danh thắng Tràng An; Vịnh Hạ Long; Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng); iii) Hệ sinh thái kinh doanh kinh tế biển; tập trung tại 3 địa điểm: Vân Đồn- Quảng Ninh, Bắc Vân Phong- Khánh Hòa, Phú Quốc - Kiên Giang.

3. Những vấn đề cần thảo luận, trao đổi

Chỉ khi việc đào tạo năng lực khởi nghiệp cho sinh viên và đào tạo tái khởi nghiệp cho doanh nghiệp tại 237 trường đại học được định hình, thì mục tiêu tạo lập hàng năm khoảng 120 - 160 ngàn doanh nghiệp mới có cơ hội thành hiện thực.

Các cơ sở đào tạo đại học phải sớm chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm trong việc đào tạo khởi nghiệp đáp ứng một trong những chuẩn đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp bậc đại học là năng lực tự tạo việc làm cho mình và cho người khác; cùng với việc xây dựng hệ thống sẵn sàng về công nghệ cung cấp cho các doanh nghiệp, để họ có thể chủ động tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong bối cảnh còn chậm đổi mới của nền kinh tế, cần phải tăng tốc. Vòng tròn hay vòng xoay cần tăng tốc đầu tiên chính là Sẵn sàng công nghệ - Đổi mới sáng tạo - Khởi nghiệp trong các cơ sở đào tạo đại học. Từ đây kéo theo chuyển động của các vòng tròn với các trụ cột kinh tế khác. Động lực của Vòng tròn là con người tài năng, trí tuệ, phẩm cách của người Việt Nam, song phải có sự bảo hộ thực chất từ chính phủ, các địa phương và từ chuẩn mực của xã hội.

4. Phương pháp, tài liệu nghiên cứu

Phương pháp và tài liệu nghiên cứu nội dung trên nằm trong hệ thống các phương pháp và tài liệu có liên quan đến việc thực hiện đề tài. Trong đó, cách thức tiếp cận theo hướng liên ngành; phù hợp với các chiến lược, chính sách, chương trình đào tạo khởi nghiệp có liên quan của Nhà nước; kết hợp với các kinh nghiệm khởi nghiệp của các quốc gia, tổ chức trên thế giới và cộng đồng khởi nghiệp Việt Nam, phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc CMCN 4.0. Phương pháp nghiên cứu bao gồm: i) Khảo sát và thu thập tài liệu; Điều tra xã hội học; Triển khai một số thử nghiệm để kiểm tra các đề xuất. Việc thu thập thông tin và các đề xuất trong nghiên cứu gắn liền với việc ứng dụng công nghệ thông tin, trước hết là mạng internet; ii) Phân tích, đánh giá và tổng hợp các tài liệu; iii) Việc đề xuất giải pháp phát triển năng lực khởi nghiệp học viên, gồm các nội dung chính về Khung chương trình đào tạo, Khung chương trình truyền thông, Hệ thống cơ sở hạ tầng, luôn gắn với nghiên cứu tính cách (Big Five) và giải pháp công nghệ nguồn có liên quan. iv) Tiến hành nghiên cứu theo các chuyên đề theo từng lĩnh vực cụ thể, sau đó tổng hợp thành báo cáo chung.

5. Kết luận/kiến nghị

Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã trở thành một chương trình kinh tế xã hội và văn hóa rộng lớn, đáp ứng nhu cầu đổi mới của Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập. Trong chương trình này, ba trụ cột chính là Sẵn sàng công nghệ - ĐMST- Khởi nghiệp tạo thành một vòng tròn, không có điểm đầu và điểm cuối.

Động lực chính của Vòng tròn là tài năng, trí tuệ, phẩm cách của người Việt Nam.

Bối cảnh chính của Vòng tròn là Năng lực cạnh tranh quốc gia đang chuyển dần theo hướng Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;

Nền tảng của Vòng tròn là Hệ sinh thái khởi nghiệp giai đoạn đầu và dần được bổ sung Hệ sinh thái kinh doanh trong giai đoạn sau.

Đối với doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, tùy theo từng hoàn cảnh, từng địa phương mà lựa chọn điểm bắt đầu hay trụ cột của Vòng tròn và phải coi đây là một hệ khung tổng hợp để định vị việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Đối với các cơ sở đào tạo đại học, bắt đầu từ cả 3 trụ cột của Vòng tròn; Vừa đào tạo năng lực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm cung cấp nhân lực khởi nghiệp cho thị trường, vừa tích tụ và tạo lập hệ thống Sẵn sàng về công nghệ cho tái khởi nghiệp của các doanh nghiệp.

Vòng tròn Sẵn sàng công nghệ - ĐMST- Khởi nghiệp khi tăng tốc sẽ tác động mạnh mẽ đến các vòng tròn của những lĩnh vực khác xung quanh.

Trong điều kiện của Việt Nam hiện tại, Vòng tròn Sẵn sàng công nghệ - ĐMST- Khởi nghiệp có thể trở thành biểu tượng mới để thu hút tầng lớp thanh niên, góp phần đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia phát triển.

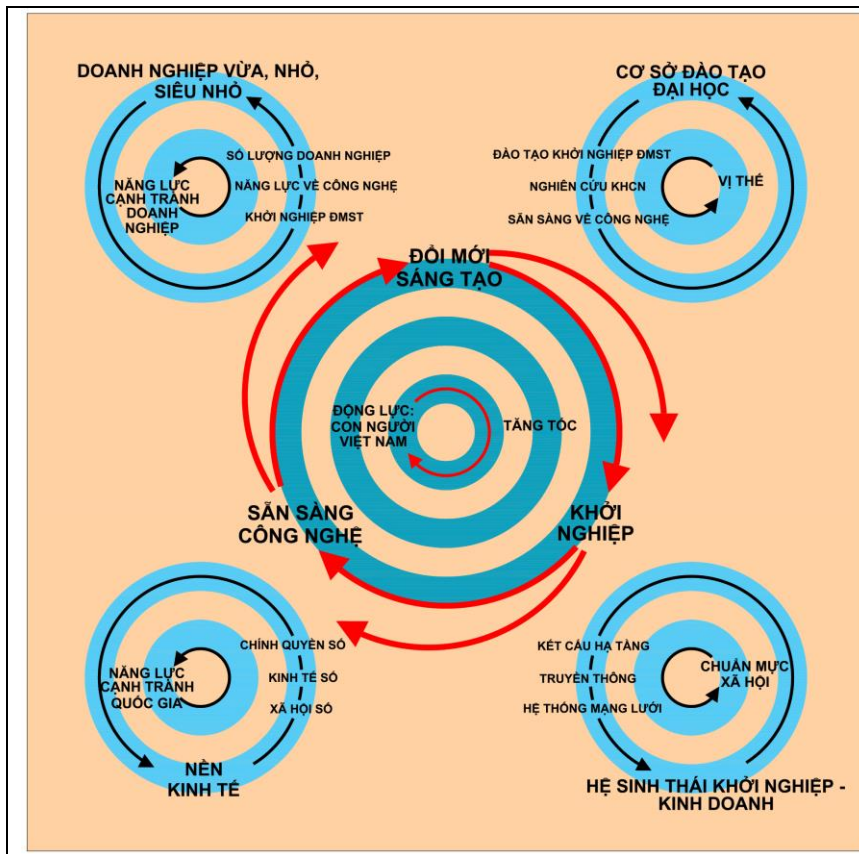
Lời cảm ơn

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Đại học Xây dựng (NUCETECH) cùng phối hợp thực hiện các nội dung trên.

Tài liệu tham khảo

Nguồn:

- 1) Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;
- 2) Thông cáo báo chí kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế năm 2021; Tổng cục Thống kê, ngày 11/01/2022;
- 3) “Giấc mơ” 1,3 - 1,5 triệu doanh nghiệp vào năm 2025 liệu có thành hiện thực?; <https://moit.gov.vn/tin-tuc/bao-chi-voi-nguoi-dan/-giac-mo-1-3-1-5-trieu-doanh-nghiep-vao-nam-2025-lieu-co-thanh-hien-thuc-.html>; Bộ Công thương;
- 4) Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020;
- 5) Số liệu thống kê giáo dục đại học năm học 2019 - 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 6) Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- 7) Các trang web có liên quan đến việc đào tạo khởi nghiệp và truyền thông về khởi nghiệp.



Biểu tượng Vòng tròn:
Sẵn sàng công nghệ - Đổi mới sáng tạo - Khởi nghiệp